



Tên Công ty đại chúng:

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: 25/40 Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 84 763 932963 Fax: 84 763 932981

E-mail: xnknstpagg@hcm.vnn.vn – Web site: www.afiex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

MỤC LỤC

	Trang
I. THÔNG TIN CHUNG	3 – 8
1. Thông tin chung	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3 – 4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5 – 7
5. Định hướng phát triển	7
6. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	8 – 16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8 – 9
2. Tổ chức và nhân sự	9 – 13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	14
4. Tình hình tài chính	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu	16
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	16 – 22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	16 – 18
2. Tình hình tài chính	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19 – 22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	22 – 23
1. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty	22 – 23
2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty	23
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị	23
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	24 – 26
1. Hội Đồng Quản Trị	24 – 25
2. Ban Kiểm Soát	25
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều Hành và Ban Kiểm Soát	25 – 26
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	26 – 59
- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	27 – 28
- Báo cáo kiểm toán (Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012)	29
- Bảng cân đối kế toán	30 – 31
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	32
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	33 – 34
- Thuyết minh báo cáo tài chính	35 – 59

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Năm báo cáo: 2012

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT:

Tên Công ty: CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Tên tiếng Anh: AN GIANG AGRICULTURE AND FOODS IMPORT- EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên giao dịch : AFIEX

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính : số 25/40 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại : (076) 3932 963
- Fax : (076) 3932 981
- Website : <http://www.afiex.com.vn>
- Email : xnknstpagg@hcm.vnn.vn
- Vốn điều lệ : 350.000.000.000 VND

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 71/QĐ.UB.TC ngày 10/02/1990 của UBND tỉnh An Giang với tên gọi Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang, hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nhà nước.

Đổi tên và thành lập lại với tên gọi Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 69-QĐ/UB ngày 29/01/1996 của UBND tỉnh An Giang, loại hình doanh nghiệp nhà nước.

Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22/09/2010 của UBND tỉnh An Giang và chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011.

Trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 148/CQĐD-NV ngày 06/7/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước- cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh. Đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn theo qui định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính.

Công ty AFIEX là thành viên của: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VIETFOOD), Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu Thủy sản (VASEP), Hiệp hội Thức ăn Chăn nuôi Việt Nam (VFA).

AFIEX đang áp dụng và được cấp chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2008, BRC đối với thủy sản và GLOBAL GAP, ISO 9001: 2008 đối với thức ăn chăn nuôi.

Được Bộ Công thương công nhận danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín liên tục từ năm 2004 đến nay, được xếp hạng trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam (VNR 500) liên tục từ 2007 đến nay.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty tập trung phát triển 3 lĩnh vực kinh doanh chính: lương thực, thủy sản và thức ăn chăn nuôi thủy sản

3.1.1. Kinh doanh chế biến lương thực:

Trong những năm qua, Afiex đã không ngừng nâng cao năng lực chế biến gạo để cung cấp các loại gạo trắng xuất khẩu: 5%, 10%, 15%, 25% tấm...cho các thị trường Châu Á, Châu Phi, Trung Đông... Năng lực kho chứa (qui gạo) 90.000 Tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo 300.000 Tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 Tấn/năm, sấy lúa công nghiệp 24.000 Tấn/năm, xay xát lúa 36.000 Tấn/năm.

3.1.2. Kinh doanh chế biến thủy sản:

Bao gồm 02 phân xưởng sản xuất, code Châu Âu DL184 và DL383, với công suất chế biến 7.000 Tấn thành phẩm/năm (tương đương 20.000 Tấn cá nguyên liệu/năm) sử dụng các thiết bị công nghệ của Mỹ, Nhật và Châu Âu cung cấp các sản phẩm xuất khẩu: cá tra, cá basa fillet cho các thị trường Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ... và các sản phẩm giá trị gia tăng cho thị trường nội địa.

3.1.3. Kinh doanh chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản:

Với năng lực kho chứa: 22.000 Tấn cho kho nguyên liệu, 1.000 Tấn cho kho thành phẩm. Công suất thiết kế 100.000 Tấn/năm bao gồm 04 dây chuyền sản xuất theo công nghệ Hà Lan, Mỹ, Đài Loan. Cung cấp các sản phẩm thức ăn như: thức ăn dạng bột, cán mảnh, viên, viên nổi cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và cá...

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Thị trường trong nước: Chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác trên cả nước.

- Hoạt động xuất khẩu – nhập khẩu chủ yếu:

+ Xuất khẩu: Gạo, nông sản, thủy sản cho các thị trường Châu Á, Châu Âu, và Châu Phi.

+ Nhập khẩu: Phân bón, thuốc thú-y, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc ở các thị trường Châu Mỹ Latin, Châu Á và Châu Âu....

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

4.1. Mô hình quản trị: Theo hình thức Công ty Cổ Phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm Soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong đó:

- **Đại Hội đồng Cổ Đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

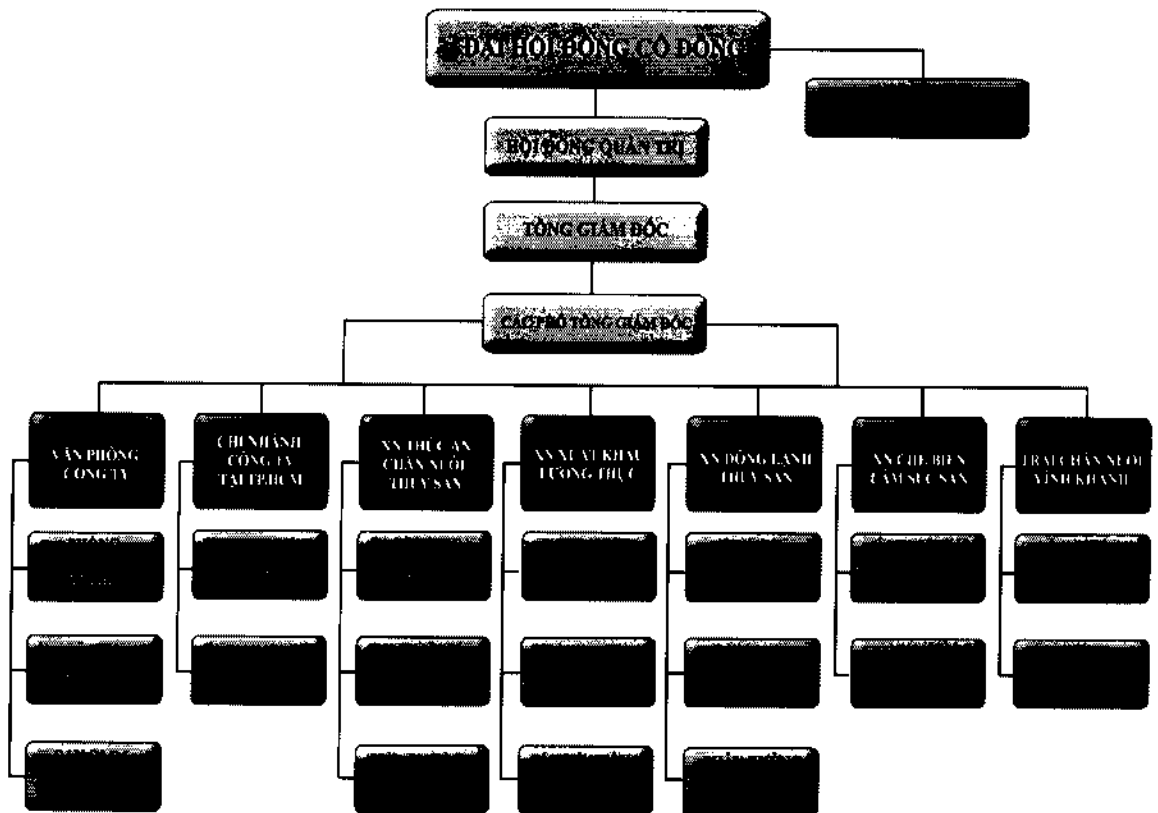
- **Ban Kiểm soát:** là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ Đông, do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm Soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Số thành viên của HĐQT gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

- **Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc:** là bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm điều hành dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, nhằm thực hiện các nghị quyết, các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hiện Công ty đang thực hiện mô hình Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty, việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG



- Các đơn vị trực thuộc Công ty:

Trụ sở chính Công Ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Địa chỉ: 25/40 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3932 963 – (84.76) 3932 985 I Fax: (84.76) 3 932 981

CN CTy CP XNK NSTP An Giang tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 386/3B Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.76) 35262 905 I Fax: (84.76) 35262 869

CN Cty CP XNK NSTP An Giang - Xuất Khẩu Lương Thực

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, K.Thạnh An, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3834 295 – (84.76) 3834 410 I Fax: (84.76) 3834 409

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3831 540 I Fax: (84.76) 3831 230

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Đông Lạnh Thủy Sản Afix

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Xã Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3867 692 – (84.76) 3687 697 I Fax: (84.76) 3688 597

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 943, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3736 306 I Fax: (84.76) 3891 370

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí Nghiệp Chế Biến Lâm Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Đông Thạnh B, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: (84.76) 3834 146 I Fax: (84.76) 3834 146

Ban Quản Lý Dự Án Khu Dân Cư Trung Tâm Thương Mại Nam Châu Đốc

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3575 115 I Fax: (84.76) 3575 790

4.3. Công ty liên doanh: Năm 2003, Công ty đã góp vốn liên doanh vào Công Ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang.

Tên Công ty: Công Ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang (gọi tắt: SAGICO).

Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Huệ - Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh chính: kinh doanh siêu thị tự chọn: hàng gia dụng, hóa mỹ phẩm, thực phẩm; cho thuê mặt bằng; sản xuất.

Vốn điều lệ khi thành lập năm 2003 : 10.000.000.000 VNĐ

Vốn điều lệ đến 31/12/2012 : 30.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của Afifex: 15% vốn điều lệ Sagico.

(Xin xem thêm thuyết minh ở phần III “Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án”, mục 3.2 “ Công ty liên doanh”).

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

- **Mục tiêu chủ yếu của Công Ty:** Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty, tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

- Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tăng cường hiệu quả hoạt động của 03 ngành hàng chủ lực: Lương thực, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, kết hợp khai thác lợi thế của các ngành nghề kinh doanh phụ trợ khác theo hướng phát triển đồng bộ, vững chắc.

+ Phát triển vùng nuôi cá tra nguyên liệu và các hình thức nuôi liên kết khác, tập trung ổn định sản xuất và giải quyết khó khăn cho lãnh vực chế biến thủy sản. Đầu tư có chọn lọc nhằm mở rộng qui mô và tăng cường năng lực cạnh tranh cho các ngành kinh doanh chủ lực.

+ Phát triển nguồn nhân lực, kết hợp giữa sắp xếp tinh giản lao động thừa cùng với tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo lao động hiện có.

+ Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tài chính, đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quảng bá tiếp thị, phát triển thị trường trong và ngoài nước.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

+ Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

6. CÁC RỦI RO CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

- Rủi ro kinh tế:

Ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến kinh tế trong nước, lạm phát, các chính sách tài chính, tín dụng ... tác động lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ:

Do biến động kinh tế, áp lực cạnh tranh cùng ngành, sự thay đổi chính sách nhập khẩu: các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật... đã ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ các sản phẩm của Công ty.

- Rủi ro về biến động giá, tỷ giá, chi phí:

Các rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh của Công ty, phụ thuộc lớn vào biến động giá cả, nguyên liệu, nhất là nguyên liệu nhập khẩu, các chi phí đầu vào và chi phí khác thường biến động khó đoán, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Rủi ro khách quan khác:

Rủi ro về dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản ảnh hưởng đến giá cả sản phẩm chăn nuôi và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH :

a. Những thuận lợi cơ bản:

- Tập trung cho 03 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, phát huy được lợi thế khép kín và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động kinh doanh lương thực, thức ăn chăn nuôi và thủy sản đông lạnh.

- Chủ động trong chiến lược dự trữ nguyên liệu, phát triển thị trường và sản phẩm, tạo được sự tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.

- Các lĩnh vực, hoạt động phụ trợ (chăn nuôi, chế biến lâm súc sản ...) đều tăng trưởng ổn định.

- Tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức tín dụng, việc tiếp cận vốn vay không gặp khó khăn.

b. Những khó khăn chủ yếu:

- Dưới tác động của khủng hoảng kinh tế, biến động thị trường và áp lực cạnh tranh, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, nhất là xuất khẩu. Sản lượng kim ngạch xuất khẩu 02 mặt hàng gạo, cá không đạt kế hoạch và giảm nhiều so cùng kỳ.

- Giá bán các sản phẩm xuất khẩu (gạo, cá tra đông lạnh) liên tục giảm, có thời điểm phải bán dưới giá thành sản xuất.

- Hoạt động chế biến thủy sản gặp khó khăn lớn do qui mô sản xuất nhỏ, thị trường co hẹp, tiêu thụ giảm sút, tồn kho ở mức cao.

- Giá nguyên liệu nhập khẩu và chi phí đầu vào (điện, nước, vật tư, bao bì, cước vận chuyển...) tăng mạnh, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.

*** Tình hình thực hiện so kế hoạch năm 2012:**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2012	So sánh thực hiện/kế hoạch
Tài sản ngắn hạn	878.608.420.677		
Tài sản dài hạn	260.435.246.210		
Tổng doanh thu	2.390.389.953.920	2.385.000.000.000	100,23%
Lợi nhuận trước thuế	13.367.775.609	47.000.000.000	28,44%
Lợi nhuận sau thuế	10.928.303.451	35.250.000.000	31,00%
Lãi cơ bản/CP	312	1.007	

Nguyên nhân chủ yếu không hoàn thành kế hoạch năm:

- Tình hình khó khăn chung của ngành gạo và thủy sản, trong đó có những biến động khó đoán về thị trường (sự thay đổi về chính sách nhập khẩu gạo của các thị trường truyền thống, sụt giảm sức mua nhanh chóng của thị trường EU đối với cá tra đông lạnh ...)

- Cạnh tranh gay gắt về giá giữa các nước xuất khẩu gạo, phải chấp nhận giá bán và lợi nhuận thấp. Cạnh tranh trong ngành cá tra làm giá xuất khẩu giảm liên tục, phải bán theo giá thị trường dù dưới giá thành sản xuất.

- Chi phí đầu vào tăng cao làm hiệu quả kinh doanh giảm.

- Tăng trích lập dự phòng cho hàng tồn kho để xử lý các khó khăn năm sau.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

2.1. Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2012:

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần năm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần năm giữ có quyền biểu quyết
1	Phạm Văn Bảy (*)	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	51,01%	17.853.000
2	Trần Trung Ngươn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc CTy	0,07%	22.900
3	Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc CTy	0,23%	82.200
4	Phạm Ngọa Long	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc CTy	0,15%	52.400
5	Trần Kim Uyên	Kế Toán Trưởng Công Ty	0,07%	25.400

(*) Xin xem thêm thuyết minh phần V "Quản trị Công ty", mục 1: Hội đồng quản trị

- Tóm tắt lý lịch cá nhân:

Họ và tên : **PHẠM VĂN BẢY**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/02/1956

Nơi sinh : Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang

CMND : 351812455 ngày cấp 25/12/2003, nơi cấp: Công An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Mỹ Thợ, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc : 0913839929

Trình độ chuyên môn : Đại học hệ chính qui - Kỹ sư Chăn Nuôi Thú Y

Quá trình công tác :
- Năm 1979 - 1980: Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cần Thơ
- Năm 1980 - 1990: Công tác tại CTy Chăn Nuôi An Giang
- Năm 1990 - 1995: Phó Giám đốc CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Năm 1995 đến tháng 3/2011: Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Cty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
- Chủ tịch HĐQT CTY TNHH TM Sài Gòn - An Giang
- Phó Chủ tịch Hiệp Hội Lương Thực Việt Nam

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 17.853.000

+ Trong đó: Cá nhân sở hữu : 3.000

Họ và tên: : **TRẦN TRUNG NGUỒN**

Giới tính: : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 18/08/1956

Nơi sinh : Trung Nhứt, Thốt Nốt, Cần Thơ

CMND : 350717961 ngày cấp 12/01/2006, nơi cấp: Công An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 122/5 Thoại Ngọc Hầu, Tp. Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913971373

Trình độ chuyên môn: : Đại học hệ chính qui - Kỹ sư Chăn nuôi Thú Y

Quá trình công tác: : - Năm 1980 - 1982: Cán Bộ Kỹ thuật - Phòng Chăn Nuôi - Sở Nông Nghiệp An Giang
- Năm 1982 - 1991: Công tác tại Công ty Chăn Nuôi An Giang - Phó Giám đốc Công ty Chăn Nuôi (1989)
- Năm 1991 đến tháng 3/2011: Phó Giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : - Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc Cty

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 112.900

+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 22.900

Họ và tên: : **NGUYỄN THANH XUÂN**

Giới tính: : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 24/02/1967

Nơi sinh : Mỹ Hiệp, Chợ Mới, An Giang

CMND : 350724248 ngày cấp 06/09/2004, nơi cấp: Công An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 17/7B Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913877037

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh Tế - Tài Chính kế toán

Quá trình công tác: : - Tháng 12/1987 - 12/1989: Công tác tại Cty Xây Dựng Huyện Chợ Mới - An Giang
- Tháng 1/1990 - năm 1997: Công tác tại Cty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
- Từ năm 1997 - tháng 02/2010: Giám đốc Xí Nghiệp Xuất Khẩu Lương Thực (trực thuộc Công ty AFIEX)
- Từ Tháng 03/2010 đến tháng 3/2011: Phó Giám Đốc Công Ty AFIEX

Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : - Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc Công ty

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 82.200

+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 82.200

Họ và tên: : **PHẠM NGỌA LONG**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 28/04/1963
Nơi sinh : Châu Phú B, TX. Châu Đốc, An Giang
CMND : 350049624 ngày cấp 08/11/2005, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 61B3, Tôn Thất Thuyết, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0913971998
Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác: : - Tháng 04/1986 - 12/1989: Kế toán tổng hợp XN Đông Lạnh Thủy sản, trực thuộc CTy XNK Thủy Sản Tỉnh An Giang
- Tháng 01/1990 - 12/1995: Phó phòng kế toán CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Tháng 01/1996 đến tháng 3/2011: Kế toán trưởng CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : - Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 52.400
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 52.400

Họ và tên: : **TRẦN KIM UYÊN**
Giới tính: : Nữ
Ngày tháng năm sinh: : 01/04/66
Nơi sinh : Châu phú - Châu đốc -AG
CMND : 350648588 ngày cấp 24 tháng 10 năm 2009, nơi cấp An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 63 Chi lăng , Khóm 5, Phường Châu Phú A, Thị Xã Châu Đốc, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0903851532
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác: : - Tháng 01/1986 - 12/1989: Công tác tại Cty Thủy sản An Giang
- : - Tháng 01/1990 - 08/1990: Công tác Ban thanh lý Công nợ Công ty Thủy sản An Giang
- : - Tháng 09/1990 - 12/1995: Công tác tại Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang
- : - Tháng 01/1996 - 03/2011 Công tác tại Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- : - Tháng 04/2011 đến nay Công tác tại Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Aflix : Kế toán trưởng Công Ty (Bổ nhiệm ngày 03/05/2012)
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
- Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 25.400
- + Trong đó: Cá nhân sở hữu : 25.400

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2012, Ban Điều Hành Công ty có sự thay đổi do luân chuyển cán bộ như sau:

- Ông Bùi Tôn Sơn, nguyên kế toán trưởng Công ty từ ngày 11/04/2011 đến 02/05/2012; ngày 11/05/2012 được bổ nhiệm trở thành thành viên Ban Kiểm Soát Công ty.

- Bà Trần Kim Uyên, nguyên kế toán trưởng Ban Quản Lý Dự Án Khu Dân Cư Nam Châu Đốc được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng Công ty từ ngày 03/05/2012.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động cuối kỳ : 1.196

+ Tăng trong kỳ : 437

+ Giảm trong kỳ : 564

+ Lao động có trình độ chuyên môn:

o Cao học : 04

o Đại học, cao đẳng : 169

o Trung cấp : 153

- Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo qui định hiện hành.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng 03 kho lương thực, sức chứa 24.000 tấn, nâng tổng tích lượng kho chứa toàn Công ty lên 90.000 tấn.

- Đầu tư 02 vùng nuôi cá tra nguyên liệu qui mô 7,6ha, diện tích mặt nước 52.000 m², sản lượng nuôi 2.300 tấn/vụ tương đương 3.500 tấn/năm.

- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng Xí nghiệp Thức ăn Chăn Nuôi – Thủy Sản.

3.2. Công ty liên doanh:

- Một số thông tin về tình hình tài chính năm 2012 của Công ty TNHH TM Sài Gòn – An Giang: (xin xem thêm phần thuyết minh báo cáo tài chính phần các khoản đầu tư tài chính dài hạn)

Chỉ tiêu	31/12/2012
	VNĐ
Tài sản ngắn hạn	34.092.817.894
Tài sản dài hạn	44.513.947.529
Doanh thu thuần	366.447.582.716
Lợi nhuận trước thuế	22.945.777.824
Lợi nhuận sau thuế	20.326.842.000

Các giao dịch thực hiện giữa Công ty TNHH TM Sài Gòn – An Giang với AFIEX:

	Năm 2012
	VNĐ
- Doanh số bán hàng	2.309.328.700

	31/12/2012
	VNĐ
- Số dư công nợ phải thu:	363.684.440

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu
Tổng giá trị tài sản	1.139.043.666.887
Doanh thu thuần	2.348.639.654.609
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.875.208.461)
Lợi nhuận khác	17.242.984.070
Lợi nhuận sau thuế	10.928.303.451
Lãi cơ bản/CP	312

* Ghi Chú: Do kỳ kế toán năm đầu tiên từ ngày 01/04/2011 đến 31/12/2011, nên Công ty không đưa cột số liệu và cột so sánh với số liệu năm trước.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:

Tài sản lưu động / Nợ ngắn hạn	Lần	1,16
--------------------------------	-----	------

+ Hệ số thanh toán nhanh:

Tài sản lưu động - Hàng tồn kho	Lần	0,62
---------------------------------	-----	------

Nợ ngắn hạn

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	67,12
---------------------------	---	-------

+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	204,17
-----------------------------	---	--------

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

+ Vòng quay hàng tồn kho:

Giá vốn hàng bán	Vòng	5,99
------------------	------	------

Hàng tồn kho bình quân

+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	2,06
----------------------------------	-----	------

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,47
--	---	------

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	2,92
---	---	------

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,96
---	---	------

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	(0,16)
---	---	--------

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 35.000.000 Cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
 - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 6.949.600 cổ phiếu
 - + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 28.050.400 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Phần trăm
I. Cổ đông trong nước		35.000.000	100,00%
1 Tổ chức	5	28.370.400	81,06%
- Cổ đông Nhà nước		17.850.000	51,00%
- Cty TNHH MTV-Tổng Cty Lương Thực Miền Nam		7.181.650	20,52%
- Cty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang		3.018.750	8,63%
- Cty Cổ Phần Gentraco		300.000	0,86%
- Công đoàn Công ty		20.000	0,06%
2 Cá nhân	764	6.629.600	18,94%
II. Cổ đông ngoài nước		-	-
1 Tổ chức		-	-
2 Cá nhân		-	-
Cộng		35.000.000	100,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1.1. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh:

Năm 2012, tình hình khủng hoảng tài chính thế giới diễn biến phức tạp, khủng hoảng nợ công Châu Âu lan rộng sang Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha....; kinh tế Châu Á cũng trì trệ. Do hội nhập sâu, tình hình kinh tế Việt Nam cũng gặp rất nhiều khó khăn: nguy cơ bất ổn kinh tế vĩ mô, tăng trưởng sụt giảm, việc thực hiện các chính sách tài khóa, tín dụng để kiềm chế lạm phát tạo ra

những hệ quả ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng phá sản hoặc ngừng hoạt động.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị tác động mạnh bởi những yếu tố trên.

Bảng chỉ tiêu so sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch trong năm 2012:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Đạt (%)
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.390	2.385	100%
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	2.377	2.338	102%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,37	47	28%
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	53,89	64,5	84%
- Gạo	Triệu USD	48,71	53,3	91%
- Cá	Triệu USD	5,17	11,2	46%
Sản lượng xuất khẩu	Tấn			
- Gạo	Tấn	114.235	130.000	88%
- Cá	Tấn	1.624	4.000	41%
Sản lượng tiêu thụ TÁC N TS	Tấn	73.457	58.000	127%

So với kế hoạch năm 2012 hoạt động xuất khẩu của Công ty cũng chịu những tác động nặng nề, tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 84%. Trong đó, xuất khẩu gạo chỉ đạt 88% sản lượng và 91% giá trị; riêng ngành thủy sản bị sụt giảm nghiêm trọng: chỉ đạt 41% sản lượng và 46% giá trị. Trong khi đó, giá vốn hàng bán lại tăng cao 2%, chủ yếu là các chi phí khả biến như nguyên liệu đầu vào, chi phí điện nước, nhân công; chi phí bất biến cũng tăng do sản lượng xuất khẩu sụt giảm, đặc biệt là các khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho cho ngành hàng thủy sản (chiếm 78,13%) trong điều kiện xuất khẩu trì trệ, tồn kho cao kéo dài. Tất cả những yếu tố trên đã tác động mạnh đến chỉ tiêu lợi nhuận trong năm của Công ty chỉ đạt 28% kế hoạch.

Trước tình hình trên, Ban Tổng Giám Đốc đã có nhiều nỗ lực để khắc phục khó khăn như:

+ Đẩy mạnh tiêu thụ nội địa của ngành hàng thức ăn chăn nuôi thủy sản (sản lượng tiêu thụ vượt 27% so với kế hoạch); kết quả kinh doanh đạt tốc độ tăng trưởng và hiệu quả cao.

+ Để có nguồn vốn kịp thời với mức lãi suất hợp lý Ban Tổng Giám Đốc đã xây dựng các mối quan hệ và hợp tác lâu dài với các ngân hàng lớn như: Vietcombank, Vietinbank, BIDV, HSBC, ANZ...

+ Quan hệ tốt giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị Công ty. Cụ thể:

Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết HĐQT Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban. Sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự, điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cán bộ, công nhân lao động, quan hệ tốt với lãnh đạo địa phương và các tổ chức tín dụng, đóng góp phúc lợi xã hội trong Tỉnh. Báo cáo

đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận của Công ty, đề xuất các chính sách liên quan đến chiến lược phát triển để HĐQT đưa ra quyết định đúng đắn. Chỉ đạo xây dựng các quy chế quản trị và công bố thông tin đúng theo qui định của công ty đại chúng.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Dù gặp rất nhiều khó khăn, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định và tạo được hiệu quả, đảm bảo đời sống, thu nhập cho cán bộ, công nhân lao động.

Cải tiến công tác quản trị, tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý trong điều hành kinh doanh.

Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, nhiên liệu cho ô tô và công tác phí, qui trình mua sắm, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, dự thảo quy chế quản lý nợ và quy chế quản trị Công ty.

Trong điều kiện khó khăn, cạnh tranh gay gắt của ngành, hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi của công ty vẫn tăng trưởng mạnh mẽ, thương hiệu ngày càng được khẳng định qua các danh hiệu uy tín được trao: sản phẩm vàng, hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2013, được cấp chứng nhận, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và Global GAP.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

2.1. Tình hình tài sản:

- Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 25,13% so với đầu năm, chủ yếu tăng các khoản: tiền và tương đương tiền tăng 83,80% nên Công ty có thể chủ động trong tình huống cần thanh khoản nhanh; hàng tồn kho tăng 22,38% chủ yếu là tăng tồn kho nguyên ngành hàng chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản để tránh tình trạng giá cả đột biến trong năm sau. Mặt khác các khoản phải thu giảm chứng tỏ Công ty luôn chú trọng công tác thu hồi nợ. Các khoản phải thu khó đòi và hàng tồn kho đều được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

- Tài sản dài hạn tăng 2,93% so với đầu năm, do trong năm có nhiều công trình xây dựng cơ bản dở dang đã được nghiệm thu và kết chuyển tăng giá trị tài sản cố định 4,38%; đồng thời công ty đang thực hiện nhiều công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (tăng 20,67%), chủ yếu là đầu tư vùng nuôi cá nguyên liệu khu vực Phú Tân và Chợ Mới. Khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 86,05%, do Công ty kết chuyển lợi nhuận tăng góp vốn liên doanh vào Sagico.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả tăng 35,42% so với đầu năm, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng tuy nhiên các khoản nợ này đều hoàn toàn nằm trong vòng kiểm soát của Công ty; các khoản người mua trả trước tiền hàng tăng 487,92%. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện tốt các khoản thuế phải nộp ngân sách, đồng thời đã trả đủ, đúng hạn vượt 48% các khoản nợ vay dài hạn tại các Ngân hàng.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

3.1. Cải tiến về cơ cấu tổ chức:

Tiếp tục sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn dựa trên sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch rõ ràng gắn với hiệu quả thực hiện công việc của từng cá nhân đến các đơn vị trực thuộc.

3.2. Cải tiến về chính sách, quản lý:

- Tiếp tục thực hành tiết kiệm và quản lý chặt chẽ hơn định mức vật tư, nguyên vật liệu, bao bì, điện, nước... và các chi phí khác để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế đối với sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản đông lạnh. Tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn mới theo yêu cầu của thị trường và người tiêu dùng.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

- Tập trung cho 03 lãnh vực SX-KD chính: lương thực, thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Khai thác lợi thế của từng ngành và tổng thể mỗi liên kết này trong điều hành sản xuất kinh doanh.

- Nhanh chóng khắc phục khó khăn và đưa hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản đi vào ổn định.

- Cùng cố các khách hàng, thị trường truyền thống, tích cực khai thác các phân khúc thị trường có tiềm năng phù hợp với thế mạnh của Công ty.

- Từ thực tế thị trường để có những điều chỉnh phù hợp về phương án và chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

a. Các chỉ tiêu kế hoạch

a1. Doanh thu kế hoạch năm 2013:

STT	Diễn Giải	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Triệu đồng)
A	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			2.219.000
I	KHẨU XUẤT KHẨU			1.173.400
1	Gạo	Tấn	120.000	982.800
2	Sản phẩm thủy sản	Tấn	3.300	190.600
II	KHẨU NHẬP KHẨU			52.500
1	Bã đậu nành	Tấn	2.500	31.500
2	Nguyên liệu TĂ.GS khác	Tấn	2.500	21.000
III	KHẨU NỘI ĐỊA			993.100
1	Thức ăn gia súc	Tấn	59.000	626.000
2	Gạo, tấm, phụ phẩm	Tấn	20.000	140.000
3	Bán lẻ, dịch vụ, tổng hợp khác	x		97.100
4	Sản phẩm chăn nuôi	x		50.000
5	Sản phẩm thủy sản	x		80.000
IV	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			21.000
V	HOẠT ĐỘNG KHÁC			10.000
	Tổng cộng			2.250.000

a2. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2013:

STT	Diễn Giải	ĐVT	Số lượng	Kim ngạch (USD)
1	Kim ngạch xuất khẩu:			55.875.000
	Gạo	Tấn	120.000	46.800.000
	Sản phẩm thủy sản	Tấn	3.300	9.075.000
2	Kim ngạch nhập khẩu:			25.000.000
	Bà đậu nành	Tấn	25.000	15.000.000
	Nguyên liệu TĂ.GS khác	Tấn	25.000	10.000.000

a3. Những chỉ tiêu tổng hợp sản xuất kinh doanh: (Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Kế Hoạch Năm 2013	Ghi chú
I	Vốn Điều lệ	350.000	
II	Tổng doanh thu thuần (IIA + IIB + IIC)	2.250.000	
A	Hoạt động kinh doanh	2.219.000	
B	Hoạt động tài chính	21.000	
C	Hoạt động bất thường	10.000	
III	Tổng chi phí SXKD (IIIA + IIIB + IIIC)	2.235.200	
A	Hoạt động kinh doanh	2.186.200	
B	Hoạt động tài chính	49.000	
	Trong đó : Chi phí lãi vay	46.000	
C	Hoạt động bất thường		
IV	Tổng lợi tức trước thuế (IVA + IVB + IVC)	14.800	
A	Hoạt động kinh doanh (IIA - IIIA)	32.800	
B	Hoạt động tài chính (IIB - IIIB)	(28.000)	
	Trong đó : Lãi (lỗ) liên doanh		
C	Hoạt động bất thường (IIC - IIIC)	10.000	
V	Thuế thu nhập DN	3.300	
VI	Tổng lợi tức sau thuế	11.500	
VII	Chỉ tiêu tính toán hiệu quả SXKD		
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần (%)	0,658	
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn Điều lệ(%)	4,229	
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Điều lệ(%)	3,286	

a4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận: (Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Kế Hoạch Năm 2013	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận trước thuế	14.800	
II	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	3.300	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế (I) -(II)	11.500	
IV	Lợi nhuận chưa chia cổ tức năm trước chuyển sang	936	
V	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (III) X (15%)	1.725	
1	Quỹ dự phòng tài chính	575	5%
2	Quỹ đầu tư phát triển công ty	575	5%
3	Quỹ Khen thưởng , Phúc lợi	575	5%
VI	Chia cổ tức (III) + (IV) - (V)	10.711	
VII	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ (%)	3	

a5. Kế hoạch quỹ lương và thu nhập của người lao động:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế Hoạch Năm 2013
I	Lao động định biên	Người	770
II	Tổng quỹ tiền lương tính theo đơn giá (Vkh)	Tr.đồng	42.000
	Trong đó :		
1	Quỹ tiền lương tối thiểu sau điều chỉnh	Tr.đồng	
2	Quỹ phụ cấp(PCcv,PCtn,PCnn,PCdt, PC ld)	Tr.đồng	
3	Lương tính thêm khi làm đêm	Tr.đồng	
III	Quỹ tiền lương ngoài đơn giá (Vpc + Vbs + Vtg)	Tr.đồng	
IV	Tổng quỹ tiền lương chung (II)	Tr.đồng	42.000
V	Thu nhập khác ngoài lương	Tr.đồng	575
1	Thu nhập từ quỹ khen thưởng-phúc lợi	Tr.đồng	575
2	Thu nhập khác	Tr.đồng	
VI	Tổng thu nhập (IV+V)	Tr.đồng	42.575
VII	Tiền lương bình quân người/tháng (IV/I/12)	1.000 đ	4.545
VIII	Thu nhập bình quân người/tháng (VI/I/12)	1.000 đ	4.608

4.2. Những giải pháp thực hiện:

- Về kinh doanh lương thực:

+ Tiếp tục duy trì và phát triển thị trường thương mại, quan tâm nhiều đến thị trường Trung Quốc.

+ Tăng cường xuất khẩu gạo thơm, gạo đặc sản trong cơ cấu.

+ Nghiên cứu xây dựng thương hiệu gạo và hệ thống phân phối thị trường nội địa.

- Về kinh doanh thủy sản:

+ Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ để giảm áp lực hàng tồn kho và chi phí vốn.

+ Tiếp tục cải tiến công tác quản trị của Xí nghiệp Đông lạnh, nâng cao tay nghề công nhân, giảm định mức chế biến để giảm giá thành.

+ Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung máy móc thiết bị để duy trì công suất chế biến.

- Về kinh doanh thức ăn chăn nuôi:

+ Tiếp tục mở rộng thị trường, hệ thống phân phối gắn kết với chính sách chăm sóc khách hàng.

+ Thực hiện nghiên cứu, khảo nghiệm để đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính đặc thù đi đôi với nâng cấp một số dòng sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao tính cạnh tranh.

+ Giữ vững chất lượng sản phẩm và có chính sách giá cả hợp lý, cạnh tranh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1.1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu so sánh	Đơn vị	Thực hiện	Kế hoạch	Suất dụng
		năm 2012	năm 2012	lên (%)
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.390	2.385	100,23%
Tổng chi phí SXKD	Tỷ đồng	2.377	2.338	101,67%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13	47	28,44%

Đánh giá chung: Trong năm 2012, mặc dù chỉ tiêu tổng doanh thu công ty đạt kế hoạch đề ra nhưng chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tăng cao, chủ yếu do: chi phí khá biến như nguyên liệu đầu vào, chi phí lương nhân công, chi phí điện – nước. Đặc biệt trong năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng hàng tồn kho tăng thêm 68,61% tương đương 16,64 tỷ đồng (tăng nhiều ở ngành hàng thủy sản). Đây là giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế nhất là trong điều kiện biến động thị trường đối với hai sản phẩm chủ lực là gạo và cá đã tác động lớn đến hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

1.2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Tổng Giám đốc để theo dõi tình hình hoạt động của Công ty và có hướng chỉ đạo kịp thời để giải quyết những vấn đề phát sinh trong mọi hoạt động của Công ty.

- Chủ Tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời đảm bảo các báo cáo hoạt động công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị xem xét việc bổ nhiệm và bãi nhiệm cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc điều hành; tham gia quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát để kiểm tra điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng rủi ro một cách tốt nhất.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát kế hoạch của Hội Đồng Quản trị đề ra, đồng thời có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý thể hiện qua việc ban hành Quy chế quản lý nợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phát huy tính năng động sáng tạo trong kinh doanh.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Tập trung đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: lương thực, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, mở rộng phạm vi hoạt động ở những lĩnh vực có liên quan nếu có hiệu quả, khai thác lợi thế khép kín và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các mục tiêu định hướng:

- Nhận định, đánh giá đúng tình hình về biến động thị trường để kịp thời định hướng chung cho hoạt động của Công ty và hạn chế rủi ro.

- Tăng cường công tác giám sát, điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cải tiến công tác quản trị nội bộ.

- Tập trung cho công tác phát triển thị trường gắn với chiến lược phát triển sản phẩm. Quan tâm nhiều hơn đến thị trường nội địa và mở rộng hệ thống phân phối. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá tiếp thị, xúc tiến thương mại...

- Tiếp tục áp dụng và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thị trường các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Phần trăm nắm giữ số quyền biểu quyết	Đại diện vốn góp của Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	Đại diện vốn góp của Công ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam
1	Phạm Văn Bảy (*)	Chủ tịch	51,01%		0%
2	Tô Thiện Hữu (**)	Thành viên	8,65%	X	
3	Lê Văn Liêm (***)	Thành viên	10,14%	X	
4	Phạm Ngọa Long	Thành viên	0,15%		
5	Phạm Thành Ngọc (****)	Thành viên	10,52%		X
6	Trần Trung Nguơn	Thành viên	0,07%		
7	Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	0,23%		

(*) Số cổ phần nắm giữ: 17.853.000 cổ phần, chiếm 51,01% vốn điều lệ (trong đó: đại diện vốn nhà nước: 17.850.000 cổ phần (51%), cá nhân: 3.000 cổ phần (0,01%).

(**) Số cổ phần nắm giữ: 3.028.750 cổ phần, chiếm 8,65% vốn điều lệ (trong đó: đại diện vốn góp của Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang: 3.018.750 cổ phần (8,63%), cá nhân: 10.000 cổ phần (0,03%)

(***) Số cổ phần nắm giữ: 3.550.000 cổ phần, chiếm 10,14% vốn điều lệ (trong đó: đại diện vốn góp của Công Ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 50.000 cổ phần (0,14%).

(****) Số cổ phần nắm giữ: 3.681.650 cổ phần, chiếm 10,52% vốn điều lệ. Đại diện vốn góp của Công Ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 (tám) phiên họp định kỳ và bất thường, tập trung vào các nội dung: thông qua việc đăng ký thành lập chi nhánh; thông qua miễn nhiệm kế toán trưởng Công ty; đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tỷ lệ cổ tức chi trả 9 tháng cuối năm 2011; thông qua việc đề nghị cấp hạn mức tín dụng đối với các Ngân hàng.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có.

2. BAN KIỂM SOÁT:

2.1 Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:



1	Trịnh Ngọc Thuận	Trưởng Ban	0,003%	X
2	Nguyễn Phước Tạo	Thành viên	0,006%	X
3	Bùi Tôn Sơn	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 11/05/2012	0,043%	
4	Phan Thị Trinh	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 11/05/2012	0,035%	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Trưởng Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

+ Ban kiểm soát đã tham gia kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính chín tháng, năm và thực hiện việc soát xét báo cáo kế toán quản trị Công ty hàng quý trong năm trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, sử dụng vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc, xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 11/05/2012:

+ Hội đồng Quản trị: 7 người

o Chủ tịch: 4.000.000 đồng/tháng

o Thành viên: 3.000.000 đồng/người/tháng

+ Ban kiểm soát: 03 người

o Trưởng Ban: 2.000.000 đồng/tháng

o Thành viên: 1.000.000 đồng/người/tháng

- Khen thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012: không có

- Ban Điều Hành:

+ Lương hàng tháng:

o Tổng Giám đốc: 36.000.000 đồng/tháng.

o Phó Tổng Giám đốc: 23.000.000 đồng/người/tháng.

o Kế Toán trưởng: 12.800.000 đồng/tháng.

+ Thưởng năm 2012: 20.000.000 đồng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2012, Công ty có các giao dịch với các Công ty liên quan như sau:

- Công Ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam (cổ đông chiến lược của Công ty với số lượng cổ phần chiếm 20,52% tổng số lượng cổ phần):

+ Ủy thác Tổng Công Ty xuất khẩu: 523.598.480.929 đồng

+ Phí giao nhận, phí ủy thác xuất khẩu: 4.126.910.563 đồng

- Công ty TNHH Sài Gòn An Giang (Góp vốn liên doanh):

+ Cung cấp thịt heo, gà, vịt tươi: 2.309.328.700 đồng.

+ Nhận chia cổ tức năm 2011: 3.485.268.495 đồng (trong đó đã chuyển bổ sung tăng vốn điều lệ: 2.081.331.238 đồng).

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện quy định về quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần đính kèm (Xin xem từ trang 26 đến trang 59).

CTY CP XNK-NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM VĂN BẢY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày đến 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint stock company (tên viết tắt là Aflix) chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 25/40 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Bảy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên
Ông Trần Trung Ngươn	Thành viên
Ông Phạm Ngọa Long	Thành viên
Ông Phạm Thành Ngọc	Thành viên
Ông Tô Thiện Hữu	Thành viên
Ông Lê Văn Liêm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Bảy	Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Ngươn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trịnh Ngọc Thuận	Trưởng Ban	
Ông Nguyễn Phước Tạo	Thành viên	
Ông Bùi Tôn Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2011
Bà Phạm Thị Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

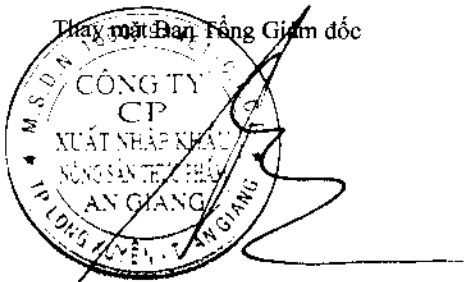
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Bảy
Tổng Giám Đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: *311* /2013/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Bùi Văn Thảo
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV
Tp.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1623/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		878.608.420.677	702.166.497.241
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	215.269.032.463	117.124.285.922
111	1. Tiền		18.939.032.463	17.124.285.922
112	2. Các khoản tương đương tiền		196.330.000.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		236.567.482.649	238.601.638.519
131	1. Phải thu của khách hàng		153.100.820.135	173.575.673.223
132	2. Trả trước cho người bán		68.571.758.574	60.409.919.366
135	5. Các khoản phải thu khác	4	16.622.550.393	4.675.086.131
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.727.646.453)	(59.040.201)
140	IV. Hàng tồn kho	5	409.026.644.552	334.225.583.021
141	1. Hàng tồn kho		449.924.394.357	358.481.940.978
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(40.897.749.805)	(24.256.357.957)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.745.261.013	12.214.989.779
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	5.000.835.336	1.982.109.223
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.592.982.625	9.747.670.554
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.289.548.191	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	861.894.861	485.210.002
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		260.435.246.210	253.012.364.348
220	II. Tài sản cố định		187.467.483.062	179.608.023.070
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	138.263.458.879	133.961.856.280
222	- Nguyên giá		342.657.278.768	316.470.744.799
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(204.393.819.889)	(182.508.888.519)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	27.539.448.554	27.692.426.984
228	- Nguyên giá		28.695.785.349	28.601.235.849
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.156.336.795)	(908.808.865)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	21.664.575.629	17.953.739.806
240	III. Bất động sản đầu tư	11	7.845.287.456	8.816.199.456
241	- Nguyên giá		16.137.653.892	16.137.653.892
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.292.366.436)	(7.321.454.436)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	4.500.000.000	2.418.668.762
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.500.000.000	2.418.668.762
260	V. Tài sản dài hạn khác		60.622.475.692	62.169.473.060
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	60.436.017.292	61.983.014.660
268	3. Tài sản dài hạn khác		186.458.400	186.458.400
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.139.043.666.887	955.178.861.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

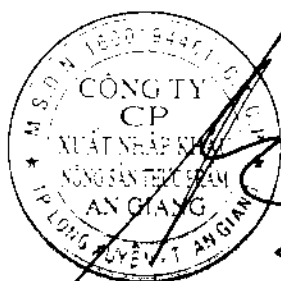
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		764.565.914.402	564.597.754.626
310	I. Nợ ngắn hạn		755.310.792.977	546.943.935.687
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	650.276.279.721	430.924.086.832
312	2. Phải trả người bán		50.690.970.285	52.542.104.539
313	3. Người mua trả tiền trước		11.557.143.878	1.965.774.901
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	527.072.433	14.510.855.732
315	5. Phải trả người lao động		2.695.089.050	5.430.669.723
316	6. Chi phí phải trả	16	2.161.680.001	2.114.850.980
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	31.353.336.502	30.110.274.454
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.049.221.107	9.345.318.526
330	II. Nợ dài hạn		9.255.121.425	17.653.818.939
333	3. Phải trả dài hạn khác		520.500.000	561.500.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	8.734.621.425	16.822.411.047
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	269.907.892
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		374.477.752.485	390.581.106.963
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	374.477.752.485	390.581.106.963
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		350.000.000.000	350.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.002.602.581	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.002.602.581	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.002.602.581	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.469.944.742	40.581.106.963
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.139.043.666.887	955.178.861.589

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		115.181,85	107.096,19
- Đồng Euro (EUR)		330,68	341,48

Trần Kim Uyên
Kế toán trưởng



Phạm Văn Bảy
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

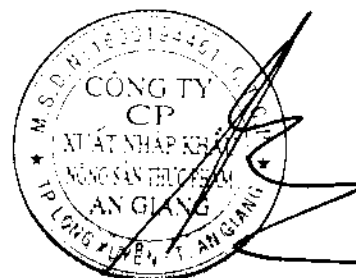
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	
				VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21		2.360.965.014.879
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22		12.325.360.270
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23		2.348.639.654.609
11	4. Giá vốn hàng bán	24		2.227.223.233.568
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			121.416.421.041
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25		23.176.641.469
22	7. Chi phí tài chính	26		50.284.546.831
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			42.110.070.634
24	8. Chi phí bán hàng	27		85.720.257.350
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28		12.463.466.790
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh			(3.875.208.461)
31	11. Thu nhập khác	29		18.573.657.842
32	12. Chi phí khác	30		1.330.673.772
40	13. Lợi nhuận khác			17.242.984.070
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			13.367.775.609
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31		2.439.472.158
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>10.928.303.451</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32		312



Trần Kim Uyên
Kế toán trưởng



Phạm Văn Bảy
Tổng Giám đốc
lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012
			VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.367.775.609
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định		23.157.371.300
03	Các khoản dự phòng		18.309.998.100
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(148.236.898)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.644.557.466)
06	Chi phí lãi vay		42.110.070.634
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.152.421.279
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		12.838.437.077
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(91.442.453.379)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.811.004.044)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.471.728.745)
13	Tiền lãi vay đã trả		(42.602.345.667)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.950.710.344)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		239.907.180.397
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(260.611.072.808)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(92.991.276.234)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.857.158.628)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		514.783.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(128.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		128.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.418.843.077
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.923.532.551)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.005.034.793.970
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.792.055.015.434)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.918.130.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		201.061.648.536

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

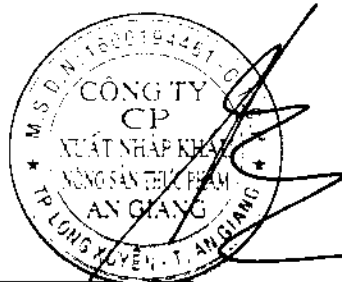
Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	98.146.839.751
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	117.124.285.922
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(2.093.210)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<u>3</u> <u>215.269.032.463</u>



Trần Kim Uyên
Kế toán trưởng



Phạm Văn Bảy
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 .THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint stock company (tên viết tắt là Aficx) chuyên đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 25/40 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng; tương đương 35.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Xí nghiệp Xuất khẩu Lương thực	Số 25/40 Trần Hưng Đạo, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi Thủy sản	Khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản Aficx	Ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Xí nghiệp Chế biến Lâm súc sản	Khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Ấp Trung Bình Tiến, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Ban quản lý dự án Khu dân cư TTTM Nam Châu Đốc	Ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 386/3B Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, TP HCM.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Khai thác gỗ;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Mua bán đồ uống, rượu, bia;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán đồ ngũ kim;
- Mua bán thiết bị cấp nước trong nhà và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán mỹ phẩm và hóa mỹ phẩm;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Xay xát, sản xuất bột;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Bán buôn bao bì;
- Mua bán phân bón;
- Mua bán thuốc thú y;
- Mua bán thực phẩm;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản dầu mỡ;
- Kinh doanh địa ốc;
- Sơ chế gỗ;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Chăn nuôi; mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; dịch vụ giao nhận và khai báo hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; sản xuất bánh phở từ; mua bán bánh phở từ; chế dầu Bio-Diesel và nhiên liệu khác từ mỡ cá; mua bán hàng bách hóa tổng hợp; dịch vụ chữa bệnh cho gia súc, gia cầm; dịch vụ chữa bệnh cho thủy sản; nuôi cá nước ngọt; ươm cá giống.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Kỳ kế toán năm đầu tiên từ ngày 01/04/2011 đến 31/12/2012.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 .Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 .Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 .Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng đối tượng tính giá thành chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 .Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Súc vật, vườn cây lâu năm	03 - 08	năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất	50	năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn		Không khấu hao
- Phần mềm máy tính	03 - 08	năm